TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Cao Sơn;

2. Bà Vi Thị Hiệp.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Vy Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 97/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 16/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hà Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị Chu Thị Thu N, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13/7/2022 và các lời khai sau đó nguyên đơn anh Hà Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn T và chị Chu Thị Thu N được tự do tìm hiểu nhau trong khoảng 03 tháng và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Anh Hà Văn T và chị Chu Thị Thu N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30/6/2017, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu

thuẫn do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng không quan tâm, không yêu thương nhau nên tình cảm nhạt dần. Khoảng tháng 9, 10 năm 2019 chị Chu Thị Thu N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh Hà Văn T có khuyên bảo nhưng chị Chu Thị Thu N không thay đổi. Tết âm lịch năm 2020 anh Hà Văn T và gia đình bảo chị Chu Thị Thu N về nhà ăn tết với gia đình thì chị Chu Thị Thu N về nhà. Đến ngày 06/01/2020 âm lịch chị Chu Thị Thu N đưa theo con gái bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Sau đó anh Hà Văn T đã đón con gái về nhà anh Hà Văn T. Từ ngày 23/01/2020 âm lịch, chị Chu Thị Thu N nói với anh Hà Văn T và bố mẹ chồng là muốn ly hôn với anh Hà Văn T rồi chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn N, xã L, huyện L tỉnh Lạng Sơn sinh sống. Từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân và không ai có hành động gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh Hà Văn T xác định, vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống với nhau được nữa nên anh Hà Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Chu Thị Thu N.

Về con chung: Anh Hà Văn T và chị Chu Thị Thu N có 01 con chung là cháu Hà Ngọc D, sinh ngày 17/8/2017. Hiện nay, cháu Hà Ngọc D đang sống với anh Hà Văn T tại Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn anh Hà Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Hà Ngọc D cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Hà Văn T không yêu cầu chị Chu Thị Chu Ngọc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Hà Văn T có chỗ ở ổn định, gần trường học của cháu Diệp tại Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Anh Hà Văn T kinh doanh, buôn bán nhỏ có thu nhập khoảng 20.000.000 đồng - 30.000.000 đồng/ 1 tháng, được bố mẹ đẻ là ông Hà Văn Q, bà Lành Thị L hỗ trợ, giúp đỡ việc nuôi dưỡng chăm sóc con, tạo điều kiện về chỗ ở.

Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung gì và không vay nợ ai.

Bị đơn chị Chu Thị Thu N đã được biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình do anh Hà Văn T và gia đình chị Chu Thị Thu N thông báo. Tại biên bản xác minh ngày 25/7/2022, mẹ đẻ chị Chu Thị Thu N là bà Phạm Thị L trình bày: Chị Chu Thị Thu N và anh Hà Văn T được tự do tìm hiểu, chung sống với nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì đến cuối năm 2020 bà thấy chị Chu Thị Thu N bỏ về nhà ở, bà Phạm Thị Lhỏi thì chị Chu Thị Thu N nói là vợ chồng mâu thuẫn. Chị Chu Thị Thu N ở với bà Phạm Thị Lđược một tuần thì bà khuyên chị về đoàn tụ cùng nhau hòa giải, chị Chu Thị Thu N về nhà anh Hà Văn T nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng lại cãi nhau, không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Đầu năm 2021 chị Chu Thị Thu N đi làm công ty ở Bắc Giang vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị Chu Thị Thu N đã được bà Phạm Thị Lthông tin về việc anh Hà Văn T yêu cầu ly hôn với chị, chị có ý kiến với bà Phạm Thị Llà chị đồng ý ly hôn với anh Hà Văn T, nhưng do chưa thu xếp được công việc nên chưa về giải quyết ly hôn được. Chị Chu Thị Thu N cũng đồng ý để anh Hà Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Ngọc D, sinh ngày 17/8/2017 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị chưa phải cấp dưỡng nuôi con

chung.

Về tài sản, nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn chị Chu Thị Thu N không tham gia tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Chu Thị Thu N đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh Hà Văn T vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Anh Hà Văn T và chị Chu Thị Thu N có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm, yêu thương nhau, sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không có hành động gì để hàn gắn tình cảm. Anh Hà Văn T xin ly hôn với chị Chu Thị Thu N là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Thấy rằng anh Hà Văn T có chỗ ở, có việc làm và thu nhập ổn định, từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh Hà Văn T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và được bố mẹ đẻ hỗ trợ việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hà Ngọc D nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung cháu cháu Hà Ngọc D, sinh ngày 17/8/2017 cho anh Hà Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Chu Thị Thu N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Hà Văn T không yêu cầu. Chị Chu Thị Thu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Chu Thị Thu N thực hiện quyền này.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Chu Thị Thu N đã được Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng không có mặt; nguyên đơn anh Hà Văn T vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Chu Thị Thu N và anh Hà Văn T.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Chu Thị Thu N, cư trú tại Thôn N, xã L, huyện L tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn T và chị Chu Thị Thu N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 30/6/2017. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh Hà Văn T và chị Chu Thị Thu N là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 và trong thời gian ly thân, không ai có hành động hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của anh Hà Văn T và chị Chu Thị Thu N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh Hà Văn T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Hà Văn T và chị Chu Thị Thu N có 01 con chung là cháu Hà Ngọc D, sinh ngày 17/8/2017. Từ khi ly thân, anh Hà Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hà Ngọc D. Bố mẹ đẻ anh Hà Văn T giúp đỡ, hỗ trợ anh Hà Văn T trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con và tạo điều kiện về chỗ ở. Xét thấy anh Hà Văn T có chỗ ở ổn định, có công việc kinh doanh với thu nhập khoảng 20.000.000 đồng - 30.000.000 đồng/1 tháng, được bố mẹ đẻ hỗ trợ, giúp đỡ việc nuôi dưỡng chăm sóc con. Vì vậy, để đảm bảo cho trẻ em phát triển toàn diện nên giao con chung là cháu Hà Ngọc D, sinh ngày 17/8/2017 cho anh Hà Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Chu Thị Thu N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Hà Văn T chưa yêu cầu. Chị Chu Thị Thu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung: Anh Hà Văn T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh Hà Văn T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Uỷ

ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hà Văn T được ly hôn với chị Chu Thị Thu N.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2017, ngày 30/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Hà Ngọc D, sinh ngày 17/8/2017 cho anh Hà Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Chu Thị Thu N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Hà Văn T chưa yêu cầu. Chị Chu Thị Thu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Chu Thị Thu N thực hiện quyền này.

3. Về án phí:

Nguyên đơn anh Hà Văn T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Hà Văn T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005153, ngày 14/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang